

Ca thi : 21/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)	(100)				
1	341029	Trương Quỳnh Anh	3410	6	10	15	8	68	180	325	505	9.0
2	342606	Hoàng Hải Thanh	3426	8	9	28	27	33	390	110	500	8.5
3	340306	Bùi Minh Ngọc	3403	5	15	17	8	45	215	180	395	
4	340442	Nguyễn Thị Ngọc Mai	3404	1	12	11	7	38	135	140	275	
5	342262	Trần Thị Quỳnh Trang	3422	3	11	7	8	23	125	45	170	
6	341532	Nguyễn Văn Thành	3415									
7	351063	Trần Thị Lan Anh	3510	7	29	28	21	81	470	400	870	10.0
8	350332	Ngô Thị Huế	3503	10	9	30	30	75	430	365	795	10.0
9	352629	Nguyễn Thị Nhiên	3526	10	20	11	28	76	370	370	740	10.0
10	350857	Đào Thùy Linh	3508	7	20	12	12	61	255	280	535	9.5
11	352363	Lê Thị Anh	3523	6	13	18	17	46	275	190	465	8.0
12	350613	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	3506	6	14	17	14	47	255	195	450	8.0
13	350213	Nguyễn Thanh Bình	3502	5	15	12	10	55	195	240	435	
14	350942	Lý Thị Liễu	3509	2	10	8	8	49	120	210	330	
15	350650	Phạm Thị Quỳnh Loan	3506	6	9	11	11	39	170	145	315	
16	351308	Bùi Thị Thu Trang	3513	3	11	9	7	35	130	120	250	
17	350666	Nguyễn Huy Hoàng	3506	5	7	8	10	33	130	110	240	
18	361650	Phạm Hạnh Trang	3616	9	25	26	20	82	440	405	845	10.0
19	362053	Đào Quốc Hùng	3620	10	28	24	18	79	440	390	830	10.0
20	360666	Nguyễn Trung Anh	3606	9	29	22	14	75	400	365	765	10.0
21	361657	Bùi Thu Hà	3616	7	27	21	23	71	425	340	765	10.0
22	360468	Nguyễn Kiều Anh	3604	9	23	19	20	75	385	365	750	10.0
23	362118	Đinh Thị Thu Hằng	3621	10	30	28	25	57	495	255	750	10.0
24	362424	Vũ Thị Hồng Nhung	3624	Vi phạm quy chế								
25	360955	Bạch Minh Thắng	3609	6	17	20	23	75	350	365	715	10.0
26	361620	Nông Vũ Thảo Anh	3616	7	23	24	21	65	405	305	710	10.0
27	362411	Phan Thị Ngọc Hà	3624	7	29	27	25	50	485	215	700	10.0
28	360440	Nguyễn Kiều Oanh	3604	8	20	21	24	63	395	290	685	10.0
29	360466	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	3604	7	25	19	18	65	370	305	675	10.0
30	361157	Vũ Quang Huy	3611	8	25	23	21	54	420	235	655	10.0
31	360426	Lê Thị Minh Nguyệt	3604	8	22	17	22	61	370	280	650	10.0
32	360937	Nguyễn Tú Anh	3609	6	18	12	19	76	280	370	650	10.0
33	362360	Mai Thị Minh Hường	3623	7	23	21	17	61	365	280	645	10.0
34	362154	Hà Huy Hoàng	3621	9	26	22	12	58	370	260	630	10.0
35	362044	Nguyễn Thị Thanh Tâm	3620	4	21	15	11	76	255	370	625	10.0
36	360958	Nguyễn Thương Hà	3609	5	17	13	17	74	260	360	620	10.0
37	361254	Trần Thanh Tùng	3612	9	23	18	9	65	310	305	615	10.0
38	360965	Nguyễn Ngọc Hân	3609	10	20	18	18	56	350	250	600	10.0
39	361764	Hà Ngọc Huyền	3617	7	28	18	16	52	370	225	595	10.0
40	360561	Lê Thị Nhật Minh	3605	9	19	15	12	66	280	310	590	10.0
41	360845	Đỗ Thị Ngân	3608	9	20	23	15	53	360	230	590	10.0
42	361226	Đỗ Thị Ngọc Mai	3612	5	12	16	9	80	195	395	590	10.0
43	361131	Nguyễn Hữu Nam	3611	8	17	18	22	55	345	240	585	10.0
44	361560	Tô Thu Hà	3615	6	17	15	17	65	280	305	585	10.0
45	360844	Trần Thị Thúy Ngoan	3608	9	19	15	20	56	330	250	580	10.0
46	360305	Ma Thị Thơm	3603	7	21	19	15	56	325	250	575	10.0
47	360321	Nguyễn Anh Đức	3603	7	16	19	14	61	290	280	570	9.5
48	360441	Lê Anh Thắng	3604		25	18	17	57	315	255	570	9.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

21/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	361802	Hoàng Thị Ngà	3618	6	19	16	17	59	300	265	565	9.5
50	361458	Hoàng Đào Trà My	3614	10	29	16	12	48	360	200	560	9.5
51	360552	Nguyễn Văn Toàn	3605	7	15	19	15	58	290	260	550	9.5
52	361647	Phạm Quang Huy	3616	10	19	19	14	51	325	220	545	9.5
53	362268	Nguyễn Thị Kim Anh	3622	9	13	14	20	57	290	255	545	9.5
54	361656	Lê Thị Hồng Nhung	3616	5	21	18	15	53	310	230	540	9.5
55	360723	Lê Anh Tuyên	3607	7	23	14	13	55	295	240	535	9.5
56	361602	Trần Hồng Dương	3616	6	17	18	23	47	340	195	535	9.5
57	361767	Tạ Thị Thuý Nường	3617	7	21	15	15	54	300	235	535	9.5
58	361947	Trần Thị Ngọc Cẩm	3619	7	22	17	11	54	295	235	530	9.0
59	360457	Tạ Thị Thuý Linh	3604	5	13	16	16	60	250	270	520	9.0
60	361543	Trần Minh Tuấn	3615	8	17	14	17	53	290	230	520	9.0
61	361534	Nguyễn Hà Thư	3615	8	12	16	10	63	220	290	510	9.0
62	361609	Nguyễn Trọng Khánh	3616	7	19	18	11	53	280	230	510	9.0
63	361845	Cao Thị Thu Trang	3618	4	21	11	15	57	255	255	510	9.0
64	362235	Hà Thị Giáng	3622	8	22	14	20	43	340	170	510	9.0
65	362242	Nguyễn Thùy Trang	3622	7	18	18	13	51	290	220	510	9.0
66	362257	Trần Thị Thuý Linh	3622	6	15	14	13	60	240	270	510	9.0
67	360145	Hoàng Thị Chang	3601	10	25	15	17	39	360	145	505	9.0
68	360543	Phan Thị Nga	3605	5	20	13	13	56	255	250	505	9.0
69	360909	Nguyễn Diệp Quỳnh Chi	3609	3	20	16	19	48	300	200	500	8.5
70	361355	Lê Thị Hương	3613	8	16	13	15	54	260	235	495	8.5
71	360549	Trần Thị Thu Trang	3605	7	18	16	14	49	280	210	490	8.5
72	362117	Nguyễn Thị Quyên	3621	6	23	14	18	43	320	170	490	8.5
73	362240	Nguyễn Thanh Tùng	3622	7	12	15	14	56	240	250	490	8.5
74	361250	Thái Phương Quế	3612	5	21	15	11	52	260	225	485	8.5
75	361450	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	3614	7	18	16	10	53	255	230	485	8.5
76	361246	Từ Việt Hà	3612	6	12	15	20	49	270	210	480	8.5
77	361321	Nguyễn Hoàng Trang	3613	8	20	13	17	45	300	180	480	8.5
78	361860	Quách Huyền Trang	3618	5	24	18	17	38	340	140	480	8.5
79	360454	Lê Tuấn Quang	3604	10	18	15	15	44	300	175	475	8.5
80	361622	Nguyễn Thu Trang	3616	6	14	14	20	48	275	200	475	8.5
81	361345	Lê Thị Yến	3613	6	10	15	14	57	215	255	470	8.0
82	361507	Kiều Thị Thắm	3615	10	15	14	15	47	275	195	470	8.0
83	361532	Hoàng Thị Thu Hiền	3615	6	16	14	13	52	245	225	470	8.0
84	361848	Nguyễn Bích Huệ	3618	7	16	14	15	49	260	210	470	8.0
85	361553	Nguyễn Ngọc ánh	3615	6	15	16	14	49	255	210	465	8.0
86	362212	Vũ Thị Mai Trang	3622	6	15	12	11	57	210	255	465	8.0
87	360212	Nguyễn Sỹ Anh	3602	4	19	16	13	48	260	200	460	8.0
88	361559	Phạm Thị Chi	3615	5	21	13	11	49	250	210	460	8.0
89	362159	Phạm Thanh Bình	3621	4	12	13	15	56	210	250	460	8.0
90	360434	Hoàng Kim Cường	3604	7	15	16	14	47	260	195	455	8.0
91	360818	Lê Thúy Quỳnh	3608	6	13	11	12	58	195	260	455	8.0
92	361140	Nguyễn Thị My	3611	5	24	10	13	47	260	195	455	8.0
93	361236	Đỗ Văn Chinh	3612	3	7	9	8	71	115	340	455	8.0
94	362120	Vũ Hồng Ngọc	3621	6	17	12	13	50	240	215	455	8.0
95	362442	Vũ Thị Hiền	3624	8	18	17	14	41	295	160	455	8.0
96	360402	Lữ Thị Hương	3604	8	19	15	12	44	275	175	450	8.0

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

21/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	360447	Đinh Văn Mạnh	3604	4	13	15	12	55	210	240	450	8.0
98	360668	Lưu Trọng Thoại	3606	8	17	13	9	51	230	220	450	8.0
99	362349	Nguyễn Ngọc Khánh	3623	7	16	15	9	51	230	220	450	8.0
100	361768	Đinh Thị Thu Hoà	3617	6	18	11	12	50	230	215	445	
101	360515	Đoàn Thị Mến	3605	6	19	14	10	47	245	195	440	
102	360819	Trần Thị Thu	3608	6	21	13	12	45	260	180	440	
103	361541	Phạm Sơn Lâm	3615	8	10	19	13	46	250	190	440	
104	361667	Phạm Thu Trang	3616	4	16	15	18	43	270	170	440	
105	360439	Phạm Quang Huy	3604	5	22	14	15	39	290	145	435	
106	361116	Bùi Đức Thành	3611	5	13	14	13	51	215	220	435	
107	360836	Vũ Thị Thu Phương	3608	7	18	8	11	50	210	215	425	
108	361307	Lục Đức Long	3613	6	16	12	18	42	260	165	425	
109	361935	Trần Ngọc Hà	3619	6	20	10	19	39	280	145	425	
110	360131	Vũ Thị Hồng Hà	3601	8	10	10	15	51	200	220	420	
111	360641	Trần Thị Vân Anh	3606	7	16	14	11	45	240	180	420	
112	360841	Lê Tuấn Độ	3608	6	18	14	10	45	240	180	420	
113	361150	Hạp Thị Thu Thủy	3611	9	16	13	14	41	260	160	420	
114	361844	Đỗ Thị Mai Duyên	3618	7	14	12	13	48	220	200	420	
115	362207	Nguyễn Thị Hậu Phương	3622	6	15	12	9	51	195	220	415	
116	361567	Đỗ Nguyễn Diệu Linh	3615	8	14	13	15	41	250	160	410	
117	360237	Nguyễn Thị Huyền Trang	3602	5	18	13	12	42	240	165	405	
118	360334	Mai Thị Trang	3603	7	12	14	14	44	230	175	405	
119	360847	Dương Thị Kim Mỹ	3608	4	20	13	11	42	240	165	405	
120	360933	Lê Thị Tính	3609	5	16	13	13	44	230	175	405	
121	361054	Nguyễn Mỹ Linh	3610	9	13	17	9	42	240	165	405	
122	360532	Nguyễn Thị Giang	3605	4	16	11	15	45	220	180	400	
123	360132	Đỗ Thị Thùy Linh	3601	4	16	6	12	51	175	220	395	
124	360736	Phan Thị Hương	3607	6	11	7	11	54	160	235	395	
125	361737	Nguyễn Thị ánh	3617	9	13	17	14	36	270	125	395	
126	362101	Lê Trọng Minh	3621	7	20	11	11	39	245	145	390	
127	360623	Nguyễn Thị Thắng	3606	4	15	9	17	42	215	165	380	
128	360628	Đào Thị Yến	3606	6	18	13	7	43	210	170	380	
129	360733	Vũ Thị Quỳnh Anh	3607	7	9	11	14	46	190	190	380	
130	362045	Phạm Thị ánh	3620	6	14	12	12	43	210	170	380	
131	362340	Nguyễn Thị Ngân	3623	5	11	16	16	38	240	140	380	
132	360314	Hà Thị Hằng	3603	6	20	10	14	36	250	125	375	
133	360541	Hồ Thị ánh	3605	3	15	11	11	46	185	190	375	
134	360560	Trương Thị Mỹ Hòa	3605	5	15	11	15	40	220	150	370	
135	360869	Lê Văn Huy	3608	6	7	8	10	54	135	235	370	
136	361569	Nguyễn Phương Linh	3615	5	17	9	12	43	200	170	370	
137	362025	Trương Thị Thu Trang	3620	6	18	13	9	40	220	150	370	
138	362102	Ngân Thị Bùi	3621	4	15	14	9	44	195	175	370	
139	362147	Nguyễn Thị Ngọc	3621	7	17	6	13	43	200	170	370	
140	360506	Đinh Thu Hiền	3605	4	15	17	14	34	250	115	365	
141	360738	Trần Thị Lệ	3607	4	17	16	9	39	220	145	365	
142	360857	Phạm Cẩm Thủy	3608	3	16	15	9	42	200	165	365	
143	362156	Dương Khánh Linh	3621	4	17	14	10	40	215	150	365	
144	360126	Hoàng Thị Thái	3601	4	13	11	16	40	210	150	360	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

21/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
145	360764	Lê Quang Sơn	3607	7	11	8	14	44	185	175	360	
146	362036	Nguyễn Hải Loan	3620	5	14	11	11	42	190	165	355	
147	360368	Bùi Thị Thu Trang	3603	6	18	11	11	37	220	130	350	
148	360337	Lương Thị Ly	3603	8	16	9	14	34	230	115	345	
149	360455	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3604	5	11	13	11	41	185	160	345	
150	360463	Trần Thị Thu Hiền	3604	7	11	15	13	36	220	125	345	
151	360245	Nguyễn Thị Oanh	3602	4	17	11	12	37	210	130	340	
152	361835	Trần Thị Huệ	3618	8	13	11	10	39	195	145	340	
153	362262	Nguyễn Hà Ngân	3622	4	16	15	8	38	200	140	340	
154	360941	Nguyễn Thị Huyền Trang	3609	5	10	6	10	48	135	200	335	
155	361801	Hoàng Thị Phương	3618	8	14	13	11	34	220	115	335	
156	362611	Phạm Hải Vân	3626	8	15	5	5	46	145	190	335	
157	360709	Lê Phương Thảo	3607	5	10	10	16	38	190	140	330	
158	360835	Phạm Thị Hà Phương	3608	3	15	14	11	37	200	130	330	
159	361435	Vũ Thị Kim Phương	3614	6	13	10	12	38	190	140	330	
160	361653	Trần Khánh Ly	3616	5	11	12	11	40	180	150	330	
161	360224	Khổng Thị Chanh	3602	5	11	15	7	40	175	150	325	
162	360737	Trương Thị Quý	3607	7	11	11	15	34	210	115	325	
163	360335	Nguyễn Thị Lý	3603	7	13	8	10	39	175	145	320	
164	361057	Nguyễn Thị Hương Lâm	3610	4	14	12	4	42	150	165	315	
165	361442	Phạm Ngọc Hùng	3614	7	10	11	12	37	185	130	315	
166	361654	Đặng Thị Phương Khanh	3616	5	11	11	13	37	185	130	315	
167	362151	Nguyễn Phương Hiền	3621	4	13	17	15	27	245	70	315	
168	360156	Nguyễn Thị Khánh Huyền	3601	6	13	13	9	35	190	120	310	
169	362128	Đỗ Việt Anh	3621	7	12	7	17	33	200	110	310	
170	360640	Trần Thị Huyền	3606	5	12	11	10	37	175	130	305	
171	362064	Nguyễn Hữu Đức	3620	8	15	9	14	29	220	85	305	
172	360453	Tạ Thu Hà	3604	2	6	11	7	46	110	190	300	
173	360910	Lê Phương Thảo	3609	5	11	10	9	38	160	140	300	
174	362027	Bùi Thị Thanh	3620	4	14	12	13	32	200	100	300	
175	362167	Đặng Quang Minh	3621	7	10	14	6	37	170	130	300	
176	360528	Thiếu Thị Vân Anh	3605	4	13	17	6	33	185	110	295	
177	360133	Nguyễn Văn Tú	3601	6	11	9	9	37	160	130	290	
178	360742	Trần Thị Thuỳ Dương	3607	7	11	11	9	34	175	115	290	
179	361363	Nguyễn Văn Huấn	3613	4	9	11	13	35	170	120	290	
180	361748	Nguyễn Thị Hà Linh	3617	5	14	8	14	32	190	100	290	
181	361840	Đỗ Thị Huệ	3618	3	11	9	14	35	170	120	290	
182	362362	Nguyễn Thị Thu	3623	2	13	7	11	39	145	145	290	
183	360326	Lê Thị Kim Anh	3603	5	14	11	12	30	195	90	285	
184	362033	Đoàn Ngọc Anh	3620	4	12	10	10	34	165	115	280	
185	360407	Vũ Kiều Trang	3604	5	11	11	11	31	175	95	270	
186	361444	Đinh Thị Yến	3614	3	12	10	12	32	170	100	270	
187	361744	Ngô Thu Hiền	3617	3	13	10	9	33	160	110	270	
188	360512	Trịnh Nguyễn Huyền My	3605	6	9	8	15	30	175	90	265	
189	361044	Lương Minh Hiếu	3610	4	16	9	10	29	180	85	265	
190	361258	Hoàng Việt Anh	3612	3	13	6	9	34	135	115	250	
191	360745	Lê Trọng Đạo	3607	4	10	10	10	31	150	95	245	
192	361134	Nguyễn Công Bách	3611	5	9	10	8	29	140	85	225	

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2014 - 2015

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi : 21/03/2015

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
193	360725	Đặng Văn Phú	3607	3	11	10	7	29	135	85	220	
194	361841	Vũ Mai Lê	3618	3	17	6	11	24	170	50	220	
195	360331	Phạm Thị Cúc	3603	5	10	10	12	22	170	40	210	
196	362214	Phạm Thị Hoàn	3622	3	13	9	9	25	150	60	210	
197	360435	Bùi Thị Nga	3604	6	8	8	13	23	160	45	205	
198	360734	Lê Quang Hưởng	3607	4	8	8	11	26	135	65	200	
199	361155	Trần Chung Kiên	3611	3	8	9	13	23	145	45	190	
200	361967	Nguyễn Thu Thảo	3619	6	10	7	6	24	125	50	175	
201	362254	Nguyễn Đức Thắng	3622	1	9	6	8	26	95	65	160	
202	361335	Nguyễn Thuý Phương	3613		9	6	10	6	100	5	105	
203	361227	Nguyễn Quang Huy	3612					32		100	100	
204	360803	Cầm Thuý Hà	3608				9	25	20	60	80	
205	360868	Vũ Ngọc Huy	3608									
206	360934	Nguyễn Ngọc ánh	3609									
207	362163	Nguyễn Bình Hiếu	3621									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2015

TRUNG TÂM TIN HỌC

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU